TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:112/2022/DS-ST Ngày: 27-9-2022. V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Minh

2. Ông Ngô Văn Khon

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Không.

Trong các ngày 13, 27 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp dân sự hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 202 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Số 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Văn H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh Đ.

Địa chỉ: Số 56 N, phường 2, thành phố C, tỉnh Đ.

Theo quyết định số 3161/2021/QĐ-PL ký ngày 27/12/2021 của Tổng giám đốc về việc ủy quyền ký kết hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng.

Người đại diện theo ủy của ông Lưu Văn H là anh Phan Quốc T, sinh năm: 1988, chức vụ: Phó phòng giao dịch TH, Theo Hợp đồng ủy quyền số 227/GUQ-CNĐT ngày 14/6/2022 (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm: 1972 (có mặt);

2. Bà Huỳnh Thị Thu A, sinh năm: 1971 (vắng mặt lần 2 không có lý do)

Nơi cư trú: Số 284/B, ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2022 của Ngân hàng TMCP S, bản khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Quốc T trình bày:

Ngân hàng có cho ông Nguyễn Văn S1 và bà Huỳnh Thị Thu A vay vốn theo Giấy đề nghị Vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01255-00008 ngày 22 tháng 10 năm 2019. Theo đó ông S1, bà A vay số tiền gốc là 50.000.000đ, lãi suất là 30%/năm, kỳ trả lãi 01 ngày/kỳ kể từ ngày vay, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 23/10/2019, kỳ trả nợ cuối cùng là ngày 22/10/2019, số tiền trả nợ mỗi kỳ là 177.800đ, số tiền trả nợ kỳ cuối là 144.096đ, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, biện pháp bảo đảm không, dư nợ hiện tại là 15.666.800đ. Trong quá trình vay ông S1, bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 28/01/2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn, tính đến ngày 27 tháng 9 năm 2022, ông S1, bà A có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 15.666.800đ, lãi trong hạn 12.716.219đ, lãi quá hạn là 6.351.582đ, lãi phạt là 635.158đ, tổng cộng gốc lãi là 35.369.759đ.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông S1, bà A liên đới trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền nợ tổng cộng gốc lãi là 35.369.759đ và lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01255-00008 ngày 22 tháng 10 năm 2019.

Tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S trình bày: Yêu cầu ông S1, bà A liên đới trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền nợ tổng cộng gốc lãi là 35.369.759đ và lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01255-00008 ngày 22 tháng 10 năm 2019.

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn S1 trình bày: Thống nhất lời trình bày của Ngân hàng, thống nhất còn nợ ngân hàng số tiền nêu trên, do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ đi làm thuê, ông S1 làm quản lý chợ, nên không đủ khả năng trả tiền gốc lãi cho ngân hàng. Nay ông S1 thống nhất trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc lãi tổng cộng là 35.369.759đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1]Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông S1, bà A, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ở ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn

khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay bà A vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy bà A đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ bị đơn ghi trong hợp đồng tín dụng, Tòa án huyện đã tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà A, nhưng bà A không đến Tòa án tham dự các phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà A là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01255-00008 ký ngày 22/10/2019, Ngân hàng Sacombank khởi kiện yêu cầu ông S1, bà A trả lại số tiền vay còn nợ, vì cho rằng ông S1, bà A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên làm phát sinh tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về pháp luật áp dụng: Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01255-00008 ký ngày 22/10/2019, đã được ký kết vào năm 2019, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các tổ chức tín dụng năm 2017 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông S1, bà A trả lại số tiền vay còn nợ gốc là 15.666.800đ và lãi suất theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01255-00008 ký ngày 22/10/2019 là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01255-00008 ký ngày 22/10/2019, việc ông S1, bà A có vay tiền của ngân hàng là có thật đã xảy, sau khi Ngân hàng giải ngân vốn ông S1, bà A không thực hiện nghĩa vụ đúng theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, từ ngày 28/01/2020 đến nay ông S1, bà A không trả gốc, lãi theo thỏa thuận hợp đồng đã ký, nên đã vi phạm hợp đồng nêu trên. Mặt khác, Tại phiên tòa ông S1 cũng thống nhất trả lại số tiền nợ nêu trên cho ngân hàng.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S buộc ông S1, bà A có trách nhiệm liên đới trả lại cho Ngân hàng số tiền còn nợ tổng cộng gốc lãi là 35.369.759đ (Trong đó số tiền nợ gốc là 15.666.800đ, lãi trong hạn là 12.716.219đ, lãi quá hạn là 6.351.582đ, lãi phạt là

635.158đ, lãi tạm tính đến ngày 27/9/2022) là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 BLDS năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

[2.2.] Ngoài Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01255-00008 ký ngày 22/10/2019 giữa Ngân hàng TMCP S và ông S1, bà A, ông S1, bà A không có thế chấp tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với Hợp đồng nêu trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản thế chấp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S1 và bà Huỳnh Thị Thu A phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010; điểm b, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Văn S1 và bà Huỳnh Thị Thu A.

Buộc ông Nguyễn Văn S1 và bà Huỳnh Thị Thu A có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vay còn nợ gốc là 15.666.800đ, lãi trong hạn là 12.716.219đ, lãi quá hạn là 6.351.582đ, lãi phạt là 635.582đ, tổng cộng là 35.369.759đ (*Ba mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi chín đồng*), tính lãi đến ngày 27/9/2022, theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01255-00008 ký ngày 22/10/2019.

Kể từ ngày 28/9/2022 ông Nguyễn Văn S1, bà Huỳnh Thị Thu A còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà Ngân hàng TMCP S và ông S1, bà A thỏa thuận trong hợp đồng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP S và ông S1, bà A có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông S1, bà A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn S1 và bà Huỳnh Thị Thu A phải liên đới chịu 1.768.000đ (*Một triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 828.000đ *(Tám trăm hai mươi tám nghìn đồng)* theo biên lai số 0010303 ngày 01/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2022). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết .

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Cổng thông tin Điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Bích Thơ